

Bản án số: 88/2024/HNGĐ-ST
Ngày 30/9/2024.
V/v: Ly hôn giữa anh Chôm và
chị Lượng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG LA, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1 – Ông Quàng Văn Màng.

2 – Bà Nguyễn Thị Hương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Quàng Công Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường La, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường La tham gia phiên tòa: Ông Lương Văn Hoan - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 27 và 30 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường La, tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 97/2024/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2024 về việc: Tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 148/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lò Văn C, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Bản L, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La. Có đề nghị xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Chị Quàng Thị L, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Bản L, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La. Có đề nghị xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ngân hàng chính sách, xã hội huyện M, tỉnh Sơn La.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Đào Trọng D – Giám đốc là người đại diện theo pháp luật. Có đề nghị xử vắng mặt.

Ngân hàng N – Chi nhánh huyện M.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Anh T – Giám đốc. Có đề nghị xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 23/5/2024 và trong quá trình xét xử nguyên đơn anh Lò Văn C trình bày:

Anh và chị Quàng Thị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, ngày 08/02/2007 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện M, tỉnh Sơn La. Quá trình chung sống, hòa thuận hạnh phúc thời gian đầu, sau phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do hai người không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Mâu thuẫn đã được gia đình và chính quyền địa phương khuyên giải nhiều lần, nhưng không khắc phục được. Hai người sống ly thân từ tháng 03 năm 2023 đến nay, không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh yêu cầu ly hôn chị Quàng Thị L.

Về con chung: Có hai con là Lò Văn T1, sinh ngày 10/3/2008; Lò Thanh H, sinh ngày 10/02/2011, anh xin trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục hai con. Tùy vào nguyện vọng của các con. Không yêu cầu chị Quàng Thị L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung:

Về đất ở và đất vườn là 599,8m², trong đó 400m² đất ở, thuộc thửa số 29, tờ bản đồ 15 và 199,8m² đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa số 26, tờ bản đồ 15, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số seri BP 447396, sổ vào sổ CH00391, QĐ số 3755/QĐ-UBND ngày 05/12/2013 mang tên Lò Văn C và Quàng Thị L, địa chỉ thửa đất bản L1, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La. Trên đất có nhà xây cấp 4, diện tích 68,7m², xây dựng năm 2011 và nhà bếp xây dựng năm 2011, diện tích 24m², nhà vệ sinh xây dựng năm 2018, 4,6m². Thửa đất trên nhất trí chia đôi, chia đôi cả nhà.

Đất ruộng 655,6m², thửa số 111, 127, 281; tờ bản đồ 38, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số seri BP 447578, sổ vào sổ CH00391, QĐ số 3755/QĐ-UBND ngày 05/12/2013 mang tên Lò Văn C và Quàng Thị L, địa chỉ thửa đất bản L1, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La. Ba thửa đất ruộng đã bị lũ quét không còn. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản vật dụng gồm:

01 bộ bàn ghế gỗ; 01 tủ gỗ tạp; 01 bộ loa; 01 giường gỗ; 01 tủ lạnh được xác định không còn giá trị.

01 bình nóng lạnh mua năm 2023; 01 máy giặt sam sung mua năm 2023; 01 xe máy BKS 26AA 065.89 mua 2024.

Về nợ chung:

Có nợ Ngân hàng C2 huyện M số tiền 50.000.000, đồng.

Nợ Ngân hàng N – Chi nhánh huyện M số tiền 59.790.000, đồng.

Số nợ trên yêu cầu chia đôi.

Bị đơn chị **Quàng Thị L** trình bày: Chị xác nhận về quan hệ hôn nhân và công nhận mâu thuẫn vợ chồng như anh **Lò Văn C** trình bày, chị cũng xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn và về việc ly hôn chị nhất trí.

Về con chung: Có hai con là **Lò Văn T1**, sinh ngày 10/3/2008; **Lò Thanh H**, sinh ngày 10/02/2011, chị xin trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục cả hai con. Chị không yêu cầu anh **Lò Văn C** cấp dưỡng nuôi con và cũng tùy vào nguyện vọng của các con.

Về tài sản chung:

Về đất ở và đất vườn là 599,8m², trong đó 400m² đất ở, thuộc thửa số 29, tờ bản đồ 15 và 199,8m² đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa số 26, tờ bản đồ 15, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số seri BP 447396, số vào sổ CH00391, QĐ số 3755/QĐ-UBND ngày 05/12/2013 mang tên **Lò Văn C** và **Quàng Thị L**, địa chỉ thửa đất bản **L1**, xã **C**, huyện **M**, tỉnh **Sơn La**. Trên đất có nhà xây cấp 4, diện tích 68,7m², xây dựng năm 2011 và nhà bếp xây dựng năm 2011, diện tích 24m², nhà vệ sinh xây dựng năm 2018, 4,6m². Thửa đất trên nhất trí chia đôi, chia đôi cả nhà.

Đất ruộng 655,6m², thửa số 111, 127, 281; tờ bản đồ 38, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số seri BP 447578, số vào sổ CH00391, QĐ số 3755/QĐ-UBND ngày 05/12/2013 mang tên **Lò Văn C** và **Quàng Thị L**, địa chỉ thửa đất bản **L1**, xã **C**, huyện **M**, tỉnh **Sơn La**. Ba thửa đất ruộng đã bị lũ quét không còn. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

01 bộ bàn ghế gỗ; 01 tủ gỗ tạp; 01 bộ loa; 01 giường gỗ; 01 tủ lạnh được xác định không còn giá trị.

01 bình nóng lạnh mua năm 2023; 01 máy giặt sam sung mua năm 2023; 01 xe máy BKS 26AA 065.89 mua 2024.

Về nợ chung:

Có nợ **Ngân hàng C2 huyện M** số tiền 50.000.000, đồng.

Nợ **Ngân hàng N – Chi nhánh huyện M** số tiền 59.790.000, đồng.

Số nợ trên yêu cầu chia đôi.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ngân hàng C2, xã hội **huyện M**, tỉnh **Sơn La** trình bày:

Căn cứ sổ vay vốn mã khách hàng 1600081802, ngày 09/02/2022 Ngân hàng cho gia đình anh **Lò Văn C**, chị **Quàng Thị L** vay theo chương trình hộ nghèo, số tiền gốc vay là 50.000.000, đồng. Nay hai người ly hôn Ngân hàng yêu cầu chị **Quàng Thị L** là người có trách nhiệm thanh toán số tiền gốc là 50.000.000, đồng và lãi phát sinh.

Ngân hàng N – Chi nhánh huyện M trình bày:

Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng số 10/BL/HĐTD ngày 11/5/2016 và sửa đổi bổ sung ngày 30/12/2021. Ngân hàng cho anh **Lò Văn C**, chị **Quàng Thị L** vay vốn số tiền là 100.000.000, đồng. Tính đến thời điểm 11/9/2024 nợ gốc còn là 59.790.000, đồng. Lãi tính đến 30/9/2024 là 1.670. 844, đồng. Nay hai người ly hôn Ngân hàng yêu cầu anh **Lò Văn C** có trách nhiệm trả nợ theo hợp đồng tín dụng nêu trên.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Việc áp dụng pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng quy định.

Về nội dung: Căn cứ Điều 37; khoản 1 Điều 56, Điều 59, Điều 62, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, b khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Tòa án:

Có căn cứ xử cho anh **Lò Văn C** được ly hôn chị **Quàng Thị L**.

Về con chung: Giao cho chị **Quàng Thị L** trực tiếp nuôi hai con **Lò Văn T1**, sinh ngày 10/3/2008 và **Lò Thanh H**, sinh ngày 10/02/2011. Anh **Lò Văn C** không phải cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung:

Anh **Lò Văn C** được chia nhà và đất phía giáp anh **Lò Văn Q**;

Chị **Quàng Thị L** được chia nhà và đất phía giáp ông **Lò Văn D1**.

Anh **Lò Văn C** được chia nhà:

Tính từ cột giữa nhà chia đôi thẳng đến sau nhà, có diện tích 37,5m² giá trị ½ là 7.974.000, đồng (bảy triệu chín trăm bảy mươi tư nghìn đồng); được chia Nhà bếp xây dựng năm 2011, diện tích 24m² giá trị còn lại 14.664.000, đồng (mười bốn triệu sáu trăm sáu mươi tư nghìn đồng); Nhà vệ sinh xây dựng năm 2018, diện tích 4,6m² giá trị còn lại 8.997.000, đồng (tám triệu chín nghìn chín trăm bảy mươi nghìn đồng).

Về đất anh **Lò Văn C** được chia:

Phía trước tính từ cột nhà ra phía giáp đường bản đến giáp đất anh **Lò Văn Q** là 12,85m; phía giáp đất anh **Lò Văn Q** tính từ giáp đường bản đến tà luy là 10,3m; phía sau giáp tà luy tính từ giáp đất anh **Lò Văn Q** đến giáp đất chia cho chị **Quàng Thị L** 12,85m; phía giáp phần đất chia cho chị **Quàng Thị L** từ giáp đường bản đến tà luy 10,3m. Diện tích 132,3m²;

Đất trên tà luy (nền nhà cũ): Phía trước giáp nhà trên tà luy từ phía giáp đất anh **Lò Văn Q** đến giáp đất chia cho chị **Quàng Thị L** 10,85m; phía giáp đất anh **Lò Văn C** 11,8m; phía sau giáp đất ông **Lò Văn C1** 12,85m; phía giáp đất chị **Quàng Thị L** 11,8m. Diện tích 151,6m²;

Đất trồng cây lâu năm (có hình tam giác) phía giáp đất Lò Văn Q 26m; phía giáp nương ông Lò Văn C1 19m; phía giáp đất anh Lò Văn C (nền nhà cũ) 11,8m. Diện tích 112,1m²;

Tổng diện tích đất anh Lò Văn C được chia 396m². Giá trị đất anh Lò Văn C được chia là 27.996.000, đồng (hai mươi bảy triệu chín trăm chín mươi sáu nghìn đồng).

Về tài sản vật dụng anh Lò Văn C được chia:

01 bình nóng lạnh mua năm 2023 giá trị còn lại 3.000.000, đồng (ba triệu đồng);

01 xe máy BKS 26AA 065.89 mua 2024 giá trị còn lại 8.000.000, đồng (tám triệu đồng).

Tổng giá trị tài sản anh Lò Văn C được chia là 62.657.000, đồng (sáu mươi hai triệu sáu trăm năm mươi bảy nghìn đồng).

Chị Quàng Thị L được chia nhà:

Tính từ cột giữa nhà chia đôi thẳng đến sau nhà, có diện tích 37,5m² giá trị ½ là 7.974.000, đồng (bảy triệu chín trăm bảy mươi tư nghìn đồng);

Về đất chị Quàng Thị L được chia:

Phía trước tính từ cột nhà ra phía giáp đường bản đến giáp đất ông Lò Văn D1 là 14,45m; phía giáp đất ông Lò Văn D1 tính từ giáp đường bản đến tà luy là 10,3m; phía sau giáp tà luy tính từ giáp đất ông Lò Văn D1 đến giáp đất chia cho anh Lò Văn C 14,45m; phía giáp phần đất chia cho anh Lò Văn C từ giáp đường bản đến tà luy 10,3m. Diện tích 148,8m²;

Đất trên tà luy (nền nhà cũ): Phía trước giáp nhà trên tà luy từ phía giáp đất ông Lò Văn D1 đến giáp đất chia cho anh Lò Văn C 14,45m; phía giáp đất anh Lò Văn C tính từ tà luy đến giáp đất ông Lò Văn C1 11,8m; phía sau giáp đất ông Lò Văn C1 tính từ giáp đất ông Lò Văn D1 đến phần đất chia cho anh Lò Văn C 14,45m; phía giáp đất ông Lò Văn D1 11,8m. Diện tích 170,6m²;

Tổng diện tích đất chị Quàng Thị L được chia 319,4m². Giá trị đất chị Quàng Thị L được chia là 27.996.000, đồng (hai mươi bảy triệu chín trăm chín mươi sáu nghìn đồng).

Về tài sản vật dụng chị Quàng Thị L được chia:

01 máy giặt sam sung mua năm 2023 giá trị còn lại 3.000.000, đồng (ba triệu đồng);

01 bộ bàn ghế gỗ; 01 tủ gỗ tạp; 01 bộ loa; 01 giường gỗ; 01 tủ lạnh được xác định không còn giá trị.

Tổng giá trị tài sản chị Quàng Thị L được chia là 30.996.000, đồng (ba mươi triệu chín trăm chín mươi sáu nghìn đồng).

Về đất ở và đất vườn được chia trên được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số seri BP 447396, thửa số 26, 29; tờ bản đồ 15; số vào sổ CH00391, QĐ số 3755/QĐ-UBND ngày 05/12/2013 mang tên Lò Văn C và Quàng Thị L, địa chỉ thửa đất bản L1, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La.

Về nợ chung:

Anh Lò Văn C có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng N – Chi nhánh huyện M số tiền gốc là 59.790.000, đồng (năm mươi chín triệu bảy trăm chín mươi nghìn đồng). Lãi tính đến 30/9/2024 là 1.670.844, đồng (một triệu sáu trăm bảy mươi nghìn tám trăm bốn bốn đồng) và lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong. Theo Hợp đồng tín dụng số 10/BL/HĐTD ngày 11/5/2016 và sửa đổi bổ sung ngày 30/12/2021.

Chị Quàng Thị L có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện C2 số tiền vay gốc là 50.000.000, đồng (năm mươi triệu đồng) và lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong. Theo sổ vay vốn mã khách hàng 1600081802, ngày 09/02/2022.

Về án phí: Anh Lò Văn C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, án phí chia tài sản chung theo phần được hưởng. Chị Quàng Thị L phải chịu án phí chia tài sản chung theo phần được hưởng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà và các quy định của pháp luật. Tòa án phân tích, đánh giá, nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn anh Lò Văn C, bị đơn chị Quàng Thị L, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngân hàng chính sách, xã hội huyện M, tỉnh Sơn La và Ngân hàng N – Chi nhánh huyện M, tỉnh Sơn La đều có đơn đề nghị xử vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ theo quy định Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự có đủ căn cứ xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lò Văn C và chị Quàng Thị L có đăng ký kết hôn, có tình cảm, tự nguyện là đúng pháp luật. Cuộc sống chung hòa thuận hạnh phúc được thời gian đầu, sau phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do do hai người không hợp nhau. Mâu thuẫn đã được gia đình và chính quyền địa phương khuyên giải nhiều lần, nhưng không khắc phục được. Hai người sống ly thân từ nhiều năm đến nay, không quan tâm đến cuộc sống của nhau, xét mâu thuẫn vợ chồng không khắc phục được là có căn cứ.

Xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng anh Lò Văn C và chị Quàng Thị L đã được gia đình và chính quyền địa phương khuyên giải, đã kéo dài, trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nay anh Lò Văn C yêu cầu được ly hôn là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Cần chấp nhận xử cho anh Lò Văn C được ly hôn chị Quàng Thị L.

[2] Về con chung: Căn cứ vào nguyện vọng của các cháu đều muốn ở với mẹ. Cần giao cho chị **Quàng Thị L** trực tiếp nuôi hai con **Lò Văn T1**, sinh ngày 10/3/2008 và **Lò Thanh H**, sinh ngày 10/02/2011. Chị **Quàng Thị L** không yêu cầu anh **Lò Văn C** cấp dưỡng nuôi con, cần chấp nhận, theo quy định của các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về tài sản chung: Do hai đương sự đều yêu cầu chia đôi khối tài sản, cần căn cứ Điều 59, Điều 62 của Luật Hôn nhân và Gia đình để phân chia:

Căn cứ kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và kết quả định giá tài sản xác định:

Về đất ở và đất vườn là 599,8m², trong đó 400m² đất ở, thuộc thửa số 29, tờ bản đồ 15 và 199,8m² đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa số 26, tờ bản đồ 15, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số seri BP 447396, số vào sổ CH00391, QĐ số 3755/QĐ-UBND ngày 05/12/2013 mang tên **Lò Văn C** và **Quàng Thị L**, địa chỉ thửa đất bản **L1, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La**. Trên đất có nhà xây cấp 4, diện tích 68,7m², xây dựng năm 2011 và nhà bếp xây dựng năm 2011, diện tích 24m², nhà vệ sinh xây dựng năm 2018, diện tích 4,6m². Diện tích đất nêu trên được xem xét, thẩm định tại chỗ xác định các đương sự công nhận đã cải tạo làm thay đổi diện tích và hiện trạng.

Tài sản vật dụng gồm:

01 bộ bàn ghế gỗ; 01 tủ gỗ tạp; 01 bộ loa; 01 giường gỗ; 01 tủ lạnh được xác định không còn giá trị.

01 bình nóng lạnh mua năm 2023; 01 máy giặt sam sung mua năm 2023; 01 xe máy BKS 26AA 065.89 mua 2024.

Kết quả định giá:

Diện tích 400m² đất ở x 120.000, đồng/m² là 48.000.000, đồng;

Diện tích 199,8m² đất trồng cây lâu năm x 40.000, đồng/m² là 7.992.000, đồng.

Nhà xây cấp 4, diện tích 68,7m², xây dựng năm 2011 giá trị còn lại 15.948.000, đồng;

Nhà bếp xây dựng năm 2011, diện tích 24m² giá trị còn lại 14.664.000, đồng;

Nhà vệ sinh xây dựng năm 2018, diện tích 4,6m² giá trị còn lại 8.997.000, đồng;

01 bình nóng lạnh mua năm 2023 giá trị còn lại 3.000.000, đồng;

01 máy giặt sam sung mua năm 2023 giá trị còn lại 3.000.000, đồng;

01 xe máy BKS 26AA 065.89 mua 2024 giá trị còn lại 8.000.000, đồng.

Đất, nhà được chia như sau:

Anh **Lò Văn C** được chia nhà và đất phía giáp anh **Lò Văn Q**;
Chị **Quàng Thị L** được chia nhà và đất phía giáp ông **Lò Văn D1**.

Cụ thể:

Anh **Lò Văn C** được chia nhà: Tính từ cột giữa nhà chia đôi thẳng đến sau nhà, có diện tích $37,5m^2$ giá trị $\frac{1}{2}$ là 7.974.000, đồng; được chia Nhà bếp xây dựng năm 2011, diện tích $24m^2$ giá trị còn lại 14.664.000, đồng; Nhà vệ sinh xây dựng năm 2018, diện tích $4,6m^2$ giá trị còn lại 8.997.000, đồng.

Về đất anh **Lò Văn C** được chia:

Phía trước tính từ cột nhà ra phía giáp đường bản đến giáp đất anh **Lò Văn Q** là 12,85m; phía giáp đất anh **Lò Văn Q** tính từ giáp đường bản đến tà luy là 10,3m; phía sau giáp tà luy tính từ giáp đất anh **Lò Văn Q** đến giáp đất chia cho chị **Quàng Thị L** 12,85m; phía giáp phần đất chia cho chị **Quàng Thị L** từ giáp đường bản đến tà luy 10,3m. Diện tích $132,3m^2$;

Đất trên tà luy (nền nhà cũ): Phía trước giáp nhà trên tà luy từ phía giáp đất anh **Lò Văn Q** đến giáp đất chia cho chị **Quàng Thị L** 10,85m; phía giáp đất anh **Lò Văn C** 11,8m; phía sau giáp đất ông **Lò Văn C1** 12,85m; phía giáp đất chị **Quàng Thị L** 11,8m. Diện tích $151,6m^2$;

Đất trồng cây lâu năm (có hình tam giác) phía giáp đất **Lò Văn Q** 26m; phía giáp nương ông **Lò Văn C1** 19m; phía giáp đất anh **Lò Văn C** (nền nhà cũ) 11,8m. Diện tích $112,1m^2$;

Tổng diện tích đất anh **Lò Văn C** được chia $396m^2$. Giá trị đất anh **Lò Văn C** được chia là 27.996.000, đồng.

Về tài sản vật dụng anh **Lò Văn C** được chia:

01 bình nóng lạnh mua năm 2023 giá trị còn lại 3.000.000, đồng;

01 xe máy BKS 26AA 065.89 mua 2024 giá trị còn lại 8.000.000, đồng.

Tổng giá trị tài sản anh **Lò Văn C** được chia là 62.657.000, đồng.

Chị **Quàng Thị L** được chia nhà:

Tính từ cột giữa nhà chia đôi thẳng đến sau nhà, có diện tích $37,5m^2$ giá trị $\frac{1}{2}$ là 7.974.000, đồng;

Về đất chị **Quàng Thị L** được chia:

Phía trước tính từ cột nhà ra phía giáp đường bản đến giáp đất ông **Lò Văn D1** là 14,45m; phía giáp đất ông **Lò Văn D1** tính từ giáp đường bản đến tà luy là 10,3m; phía sau giáp tà luy tính từ giáp đất ông **Lò Văn D1** đến giáp đất chia cho anh **Lò Văn C** 14,45m; phía giáp phần đất chia cho anh **Lò Văn C** từ giáp đường bản đến tà luy 10,3m. Diện tích $148,8m^2$;

Đất trên tà luy (nền nhà cũ): Phía trước giáp nhà trên tà luy từ phía giáp đất ông **Lò Văn D1** đến giáp đất chia cho anh **Lò Văn C** 14,45m; phía giáp đất

anh **Lò Văn C** tính từ tà luy đến giáp đất ông **Lò Văn C1** 11,8m; phía sau giáp đất ông **Lò Văn C1** tính từ giáp đất ông **Lò Văn D1** đến phần đất chia cho anh **Lò Văn C** 14,45m; phía giáp đất ông **Lò Văn D1** 11,8m. Diện tích 170,6m²;

Tổng diện tích đất chị **Quàng Thị L** được chia 319,4m². Giá trị đất chị **Quàng Thị L** được chia là 27.996.000, đồng.

Về tài sản vật dụng chị **Quàng Thị L** được chia:

01 máy giặt sam sung mua năm 2023 giá trị còn lại 3.000.000, đồng;

01 bộ bàn ghế gỗ; 01 tủ gỗ tạp; 01 bộ loa; 01 giường gỗ; 01 tủ lạnh được xác định không còn giá trị.

Tổng giá trị tài sản chị **Quàng Thị L** được chia là 30.996.000, đồng.

[4] Về Đất ruộng 655,6m², thửa số 111, 127, 281; tờ bản đồ 38, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số seri BP 447578, sổ vào sổ CH00391, QĐ số 3755/QĐ-UBND ngày 05/12/2013 mang tên **Lò Văn C** và **Quàng Thị L**, địa chỉ thửa đất bản **L1**, xã **C**, huyện **M**, tỉnh **Sơn La**. Ba thửa đất ruộng đã bị lũ quét không còn. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Căn cứ Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[5] Về nợ chung:

Hiện hai vợ chồng có nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện **M**, tỉnh **Sơn La** số tiền 50.000.000, đồng. Nợ **Ngân hàng N** – **Chi nhánh huyện M**, tỉnh **Sơn La** số tiền 59.790.000, đồng.

Hai Ngân hàng xác nhận khoản nợ trên là đúng và yêu cầu Tòa án giải quyết, đồng thời Anh **Lò Văn C**, chị **Quàng Thị L** yêu cầu Tòa án giải quyết.

Căn cứ Điều 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình để phân chia khoản nợ như sau:

Anh **Lò Văn C** có trách nhiệm trả nợ cho **Ngân hàng N** – **Chi nhánh huyện M** số tiền gốc là 59.790.000, đồng. Lãi tính đến 30/9/2024 là 1.670. 844, đồng và lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong. Theo Hợp đồng tín dụng số 10/BL/HĐTD ngày 11/5/2016 và sửa đổi bổ sung ngày 30/12/2021.

Chị **Quàng Thị L** có trách nhiệm trả nợ cho **Ngân hàng chính sách xã hội huyện C2** số tiền vay gốc là 50.000.000, đồng và lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong. Theo sổ vay vốn mã khách hàng 1600081802, ngày 09/02/2022.

[6] Anh **Lò Văn C** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, án phí chia tài sản chung tương ứng với giá trị phần tài sản được chia là 62.657.000, đồng. Chị **Quàng Thị L** phải chịu án phí chia tài sản chung tương ứng với giá trị phần tài sản được chia là 30.996.000, đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 37; khoản 1 Điều 56, Điều 59, Điều 62, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, b khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Ân phí, Lệ phí Tòa án:

1. Xử cho anh **Lò Văn C** được ly hôn chị **Quàng Thị L**.

2. Về con chung:

Giao cho chị **Quàng Thị L** trực tiếp nuôi hai con **Lò Văn T1**, sinh ngày 10/3/2008 và **Lò Thanh H**, sinh ngày 10/02/2011. Anh **Lò Văn C** không phải cấp dưỡng nuôi con

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về tài sản chung:

Anh **Lò Văn C** được chia nhà và đất phía giáp anh **Lò Văn Q**;

Chị **Quàng Thị L** được chia nhà và đất phía giáp ông **Lò Văn D1**.

Anh **Lò Văn C** được chia nhà:

Tính từ cột giữa nhà chia đôi thẳng đến sau nhà, có diện tích 37,5m² giá trị ½ là 7.974.000, đồng (bảy triệu chín trăm bảy mươi tư nghìn đồng); được chia Nhà bếp xây dựng năm 2011, diện tích 24m² giá trị còn lại 14.664.000, đồng (mười bốn triệu sáu trăm sáu mươi tư nghìn đồng); Nhà vệ sinh xây dựng năm 2018, diện tích 4,6m² giá trị còn lại 8.997.000, đồng (tám triệu chín nghìn chín trăm bảy mươi bốn đồng).

Về đất anh **Lò Văn C** được chia:

Phía trước tính từ cột nhà ra phía giáp đường bản đến giáp đất anh **Lò Văn Q** là 12,85m; phía giáp đất anh **Lò Văn Q** tính từ giáp đường bản đến tà luy là 10,3m; phía sau giáp tà luy tính từ giáp đất anh **Lò Văn Q** đến giáp đất chia cho chị **Quàng Thị L** 12,85m; phía giáp phần đất chia cho chị **Quàng Thị L** từ giáp đường bản đến tà luy 10,3m. Diện tích 132,3m²;

Đất trên tà luy (nền nhà cũ): Phía trước giáp nhà trên tà luy từ phía giáp đất anh **Lò Văn Q** đến giáp đất chia cho chị **Quàng Thị L** 10,85m; phía giáp đất anh **Lò Văn C** 11,8m; phía sau giáp đất ông **Lò Văn C1** 12,85m; phía giáp đất chị **Quàng Thị L** 11,8m. Diện tích 151,6m²;

Đất trồng cây lâu năm (có hình tam giác) phía giáp đất **Lò Văn Q** 26m; phía giáp nương ông **Lò Văn C1** 19m; phía giáp đất anh **Lò Văn C** (nền nhà cũ) 11,8m. Diện tích 112,1m²;

Tổng diện tích đất anh **Lò Văn C** được chia 396m². Giá trị đất anh **Lò Văn C** được chia là 27.996.000, đồng (hai mươi bảy triệu chín trăm chín mươi sáu nghìn đồng).

Về tài sản vật dụng anh **Lò Văn C** được chia:

01 bình nóng lạnh mua năm 2023 giá trị còn lại 3.000.000, đồng (ba triệu đồng);

01 xe máy BKS 26AA 065.89 mua 2024 giá trị còn lại 8.000.000, đồng (tám triệu đồng).

Tổng giá trị tài sản anh **Lò Văn C** được chia là 62.657.000, đồng (sáu mươi hai triệu sáu trăm năm mươi bảy nghìn đồng).

Chị **Quàng Thị L** được chia nhà:

Tính từ cột giữa nhà chia đôi thẳng đến sau nhà, có diện tích 37,5m² giá trị $\frac{1}{2}$ là 7.974.000, đồng (bảy triệu chín trăm bảy mươi tư nghìn đồng);

Về đất chị **Quàng Thị L** được chia:

Phía trước tính từ cột nhà ra phía giáp đường bản đến giáp đất ông **Lò Văn D1** là 14,45m; phía giáp đất ông **Lò Văn D1** tính từ giáp đường bản đến tà luy là 10,3m; phía sau giáp tà luy tính từ giáp đất ông **Lò Văn D1** đến giáp đất chia cho anh **Lò Văn C** 14,45m; phía giáp phần đất chia cho anh **Lò Văn C** từ giáp đường bản đến tà luy 10,3m. Diện tích 148,8m²;

Đất trên tà luy (nền nhà cũ): Phía trước giáp nhà trên tà luy từ phía giáp đất ông **Lò Văn D1** đến giáp đất chia cho anh **Lò Văn C** 14,45m; phía giáp đất anh **Lò Văn C** tính từ tà luy đến giáp đất ông **Lò Văn C1** 11,8m; phía sau giáp đất ông **Lò Văn C1** tính từ giáp đất ông **Lò Văn D1** đến phần đất chia cho anh **Lò Văn C** 14,45m; phía giáp đất ông **Lò Văn D1** 11,8m. Diện tích 170,6m²;

Tổng diện tích đất chị **Quàng Thị L** được chia 319,4m². Giá trị đất chị **Quàng Thị L** được chia là 27.996.000, đồng (hai mươi bảy triệu chín trăm chín mươi sáu nghìn đồng).

Về tài sản vật dụng chị **Quàng Thị L** được chia:

01 máy giặt sam sung mua năm 2023 giá trị còn lại 3.000.000, đồng (ba triệu đồng);

01 bộ bàn ghế gỗ; 01 tủ gỗ tạp; 01 bộ loa; 01 giường gỗ; 01 tủ lạnh được xác định không còn giá trị.

Tổng giá trị tài sản chị **Quàng Thị L** được chia là 30.996.000, đồng (ba mươi triệu chín trăm chín mươi sáu nghìn đồng).

Về đất ở và đất vườn được chia trên được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số seri BP 447396, thửa số 26, 29; tờ bản đồ 15; số vào sổ CH00391,

QĐ số 3755/QĐ-UBND ngày 05/12/2013 mang tên Lò Văn C và Quàng Thị L, địa chỉ thửa đất bản L1, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La.

Diện tích đất và nhà chia trên có sơ đồ kèm theo.

4. Về nợ chung:

Anh Lò Văn C có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng N – Chi nhánh huyện M số tiền gốc là 59.790.000, đồng (năm mươi chín triệu bảy trăm chín mươi nghìn đồng). Lãi tính đến 30/9/2024 là 1.670.844, đồng (một triệu sáu trăm bảy mươi nghìn tám trăm bốn bốn đồng) và lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong. Theo Hợp đồng tín dụng số 10/BL/HĐTD ngày 11/5/2016 và sửa đổi bổ sung ngày 30/12/2021.

Chị Quàng Thị L có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện C2 số tiền vay gốc là 50.000.000, đồng (năm mươi triệu đồng) và lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong. Theo sổ vay vốn mã khách hàng 1600081802, ngày 09/02/2022.

5. Về án phí:

Anh Lò Văn C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000, đồng (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001656 ngày 23/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường La, tỉnh Sơn La.

Anh Lò Văn C phải chịu án phí chia tài sản chung là 3.132.000, đồng (ba triệu một trăm ba mươi hai nghìn đồng).

Chị Quàng Thị L phải chịu án phí chia tài sản chung là 1.549.000, đồng (một triệu năm trăm bốn mươi chín nghìn đồng).

Nguyên đơn anh Lò Văn C, bị đơn chị Quàng Thị L, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngân hàng chính sách, xã hội huyện M, tỉnh Sơn La và Ngân hàng N – Chi nhánh huyện M, tỉnh Sơn La được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trùng hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Mường La (2);
- Chi cục THADS huyện Mường La;
- UBND xã Nậm Păm, huyện Mường La (đề vào sổ hộ tịch);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

- Các đương sự (4);
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

Nguyễn Minh Tuấn

